

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 46
8. Phụ lục	47 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301116791 (số cũ là 059080) đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1.094.473.090.000 VND
Số cổ phiếu 109.447.309 cổ phiếu
Mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 08 tháng 3 năm 2002 với mã chứng khoán là GMD.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 38 236 236
Fax : (84-8) 38 235 236
E-mail : info@gemadept.com.vn
Mã số thuế : 0301116791

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	Số 108 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 1, đường Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty:

Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Germalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không,...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.



Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong kỳ, Công ty đã thanh lý, nhượng bán một số tài sản cố định với khoản lãi được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh là 21.439.526.347 VND.

Trong kỳ, Công ty đã thành lập hai công ty con là Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương, Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương. Ngoài ra, Công ty đang làm các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài cho Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương để triển khai dự án trồng cao su tại Campuchia.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 46).

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức cho cổ đông bổ sung năm 2011 là 5.668.385.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty cổ phần Gemadept đã hoàn thành việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 40 triệu USD cho Công ty cổ phần Quỹ đầu tư Việt Nam với lãi suất cố định 06% năm, thời hạn 05 năm. Trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông sau 01 năm kể từ ngày phát hành là ngày 15 tháng 8 năm 2012.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Quảng	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Trần Thanh Thủy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

0474
ÔNG T
NHIỆM HI
M TOÁN
Ư VÃI
HỒ C

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gemadept tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0781/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADPET**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2012, từ trang 06 đến trang 46 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Handwritten signature of Trần Hoàng Anh

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.988.703.001.289	2.314.574.077.143
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	216.288.504.824	265.372.942.880
1.	Tiền	111		216.288.504.824	166.247.322.880
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	99.125.620.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		571.911.047.167	640.963.654.551
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	677.435.369.506	793.653.196.515
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(105.524.322.339)	(152.689.541.964)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.107.090.175.285	1.281.496.916.610
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	314.846.587.812	384.475.183.118
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	87.005.277.488	136.464.182.973
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	718.344.885.222	761.386.609.842
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(13.106.575.237)	(829.059.322)
IV.	Hàng tồn kho	140		21.945.997.416	50.843.895.486
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	21.945.997.416	50.843.895.486
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		71.467.276.596	75.896.667.616
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	18.163.956.273	18.827.902.103
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.568.890.693	967.321.052
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	9.963.119.154	9.960.652.399
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	41.771.310.476	46.140.792.061

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.935.968.495.911	2.963.921.452.035
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.12	37.000.000.000	37.000.000.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		573.172.779.689	705.038.470.578
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	519.656.211.511	650.141.953.343
	Nguyên giá	222		1.031.850.207.033	1.189.463.980.515
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(512.193.995.522)	(539.322.027.172)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.14	13.485.866.658	14.115.485.352
	Nguyên giá	228		17.492.719.327	17.494.143.335
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.006.852.669)	(3.378.657.983)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	40.030.701.520	40.781.031.883
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.16	233.256.093.896	239.202.151.988
	Nguyên giá	241		279.448.439.795	279.448.439.795
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(46.192.345.899)	(40.246.287.807)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.049.320.109.447	1.936.068.379.102
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.17	1.232.227.722.752	942.636.944.122
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	730.468.067.779	700.718.067.779
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	237.895.943.094	410.286.571.094
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(151.271.624.178)	(117.573.203.893)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		43.219.512.879	46.612.450.367
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		24.305.759	3.833.803.247
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.21	43.195.207.120	42.778.647.120
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.924.671.497.200	5.278.495.529.178

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.072.980.567.108	1.416.171.821.738
I. Nợ ngắn hạn		310		806.331.557.357	1.146.721.968.117
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.22	308.220.254.839	512.436.104.324
2. Phải trả người bán		312	V.23	124.616.220.573	144.304.921.328
3. Người mua trả tiền trước		313	V.24	28.728.878.707	21.172.333.363
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.25	22.377.508.642	5.114.494.932
5. Phải trả người lao động		315	V.26	4.047.119.880	9.939.966.152
6. Chi phí phải trả		316	V.27	14.336.941.200	15.561.023.142
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.28	301.446.669.406	426.458.441.889
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		1.783.214.214	3.106.407.889
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.29	774.749.895	8.628.275.098
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		266.649.009.751	269.449.853.621
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.30	19.363.295.465	17.887.072.335
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.31	247.285.714.286	251.562.781.286
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		3.851.690.930.091	3.862.323.707.440
I. Vốn chủ sở hữu		410		3.851.690.930.091	3.862.323.707.440
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.32	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.32	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.32	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.32	29.429.404.912	29.429.404.912
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	V.32	26.315.340.005	26.315.340.005
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.32	160.610.237.872	171.243.015.221
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		4.924.671.497.200	5.278.495.529.178

440-1
CÔNG TY
M HỮU H
JÁN VÀ
VÂN
5 CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		519.867.556	519.867.556
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		494.793,96	1.065.051,24
Euro (EUR)		2.330,99	5.453,66
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	661.116.290.822	676.734.003.309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	661.116.290.822	676.734.003.309
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	660.324.106.342	648.596.512.119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		792.184.480	28.137.491.190
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	129.520.818.959	146.147.227.429
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	93.312.079.071	164.774.390.477
Trong đó: chi phí lãi vay	23		39.860.652.668	32.955.357.640
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.163.274.944	2.244.595.998
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	48.065.279.829	29.660.382.686
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.227.630.405)	(22.394.650.543)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	126.026.367.959	27.986.321.857
12. Chi phí khác	32	VI.8	106.484.026.903	10.838.846.185
13. Lợi nhuận khác	40		19.542.341.056	17.147.475.672
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.314.710.651	(5.247.174.870)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	11.279.103.001	3.958.232.868
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.964.392.350)	(9.205.407.738)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.314.710.651	(5.247.174.870)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13;V.14;V.16	48.254.986.068	49.022.278.709
- Các khoản dự phòng	03	V.3;V.7;V.20	(1.189.283.425)	101.352.046.694
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(7.009.322)	(8.303.643.751)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.7;VI.8	(138.201.474.440)	(120.347.165.882)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	39.860.652.668	32.955.357.640
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(44.967.417.800)	49.431.698.540
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		276.038.970.303	(117.476.802.960)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.897.898.070	(14.049.567.244)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(74.275.172.961)	(51.519.481.413)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.473.443.318	(355.826.360)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27;VI.4	(42.898.864.588)	(37.712.045.821)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(1.436.987.773)	(3.180.196.240)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16.234.034.629	87.992.776.728
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(15.459.581.026)	(20.447.253.594)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		146.606.322.172	(107.316.698.364)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13;V.15	(2.329.076.868)	(86.743.023.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7;VI.8;VII	112.290.922.085	36.125.001.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(164.895.601.850)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		191.924.088.945	178.514.916.611
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(319.340.778.630)	(152.408.342.686)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.132.190.132
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		96.954.337.151	52.688.505.915
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		76.499.492.683	(134.586.353.666)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22	466.068.541.004	337.055.007.127
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22;V.31	(673.184.519.915)	(188.494.403.815)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(2.992.176.207)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28;V.32	(65.074.274.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(272.190.252.911)	145.568.427.105
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(49.084.438.056)	(96.334.624.925)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	265.372.942.880	261.855.538.610
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	3.406.895.919
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	216.288.504.824	168.927.809.604

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

47.
NG
LIÊN
TÔI
V.
HC

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Germalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không,...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 325 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 340 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong kỳ, Công ty đã thanh lý, nhượng bán một số tài sản cố định với khoản lãi được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh là 21.439.526.347 VND.

Trong kỳ, Công ty đã thành lập hai công ty con là Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương, Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương. Ngoài ra, Công ty đang làm các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài cho Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương để triển khai dự án trồng cao su tại Campuchia.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

H. C
TY
HỮU H
N VÀ
ÂN
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/6/2012 : 20.828 VND/USD

19. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.821.602.845	3.464.418.490
Tiền gửi ngân hàng	211.500.885.043	162.358.701.307
Tiền đang chuyển	966.016.935	424.203.083
Các khoản tương đương tiền (*)	-	99.125.620.000
Cộng	216.288.504.824	265.372.942.880

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	179.634.608.377	249.721.867.626
- Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	14.234.321.100
- Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	2.188.848.117	9.322.002.940
- Công ty cổ phần nhựa Rạng Đông	13.550.660.479	16.300.679.471
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.369.769.671	16.364.507.100
- Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam	19.800.000.000	19.800.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	94.971.030.000	94.971.030.000
- Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.490.628.000	-
- Các công ty khác	1.029.351.010	78.729.327.015
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh V.18)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	15.400.761.129	61.531.328.889
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	15.400.761.129	29.239.045.500
- Các khoản cho vay	-	32.292.283.389
Cộng	677.435.369.506	793.653.196.515

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	152.689.541.964
Hoàn nhập dự phòng	(47.165.219.625)
Số cuối kỳ	105.524.322.339

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	311.470.736.537	376.062.337.992
Dịch vụ cho thuê tài sản	3.375.851.275	8.412.845.126
Cộng	314.846.587.812	384.475.183.118

Các khoản phải thu được dùng để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 23.000.000.000 VND (xem thuyết minh V.22).

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	42.465.592.210	42.465.592.210
Công ty TNHH cảng Phước Long	12.841.885.526	62.298.411.025
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bông Sen Vàng	28.130.000.000	28.130.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.567.799.752	3.570.179.738
Cộng	87.005.277.488	136.464.182.973

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	16.720.374.942	26.327.524.193
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.200.000.000	3.300.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	508.130.409.316	560.928.792.442
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	33.500.000.000	82.750.000.000
- Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền cho mượn, chi hộ	152.321.357.128	112.195.967.663
- Gemadept (Singapore) Ltd.- tiền chi hộ	33.131.888.645	20.255.821.307
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền cho mượn	55.900.000.000	55.900.000.000
- Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp V.N.M	-	18.946.000.000
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền cho mượn	32.608.166.623	16.074.955.000
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền cho mượn, chi hộ	14.986.271.512	8.986.272.000
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	1.193.923.986	1.156.734.311
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	182.653.081.061	244.055.334.635
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	1.835.720.361	607.707.526
Cổ tức, lợi nhuận được chia	134.961.661.044	90.805.100.312
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	490.595.000	26.733.065.975
Các khoản phải thu khác	54.841.844.920	53.292.126.920
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.478.250.340	4.617.553.940
- Các khoản phải thu khác	50.363.594.579	48.674.572.980
Cộng	718.344.885.222	761.386.609.842

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	829.059.322	829.059.322
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	12.277.515.915	-
Cộng	13.106.575.237	829.059.322

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	829.059.322
Trích lập dự phòng bổ sung	12.277.515.915
Số cuối kỳ	13.106.575.237

8. Hàng tồn kho

Nhiên liệu tồn trên tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tàu	4.588.382.445	12.853.503.270
Chi phí bảo hiểm	1.069.400.770	1.601.124.296
Chi phí thuê tàu	9.053.240.000	-
Công cụ, dụng cụ	2.883.478.337	2.398.453.034
Chi phí khác	569.454.721	1.974.821.503
Cộng	18.163.956.273	18.827.902.103

10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	9.961.119.154	9.960.652.399
Các loại thuế khác	2.000.000	-
Cộng	9.963.119.154	9.960.652.399

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	30.638.452.909	26.137.182.904
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.132.857.567	20.003.609.157
Cộng	41.771.310.476	46.140.792.061

12. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm trang 47.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ do quyền sử dụng được cấp vĩnh viễn.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 356.555.053.460 VND và 246.902.354.317 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt (xem thuyết minh số V.22 và V.31) và bảo lãnh các khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.352.483.410	10.141.659.925	17.494.143.335
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.424.008)	(1.424.008)
Số cuối kỳ	7.352.483.410	10.140.235.917	17.492.719.327
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	313.076.907	313.076.907
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	3.378.657.983	3.378.657.983
Khấu hao trong kỳ	-	629.618.694	629.618.694
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.424.008)	(1.424.008)
Số cuối kỳ	-	4.006.852.669	4.006.852.669
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.352.483.410	6.763.001.942	14.115.485.352
Số cuối kỳ	7.352.483.410	6.133.383.248	13.485.866.658
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	33.259.425.964	2.309.290.268	(2.109.984.268)	(949.636.363)	32.509.095.601
XDCB dở dang	7.521.605.919	-	-	-	7.521.605.919
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	-	-	-	2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-	-	-	3.658.444.173
- Các dự án khác	1.168.682.655	-	-	-	1.168.682.655
Cộng	40.781.031.883	2.309.290.268	(2.109.984.268)	(949.636.363)	40.030.701.520

Tài sản đang xây dựng dở dang và chưa đưa vào sử dụng có giá trị là 31.799.789.600 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	40.246.287.807	239.202.151.988
Tăng trong kỳ	-	5.946.058.092	
Số cuối kỳ	279.448.439.795	46.192.345.899	233.256.093.896

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị thị trường của bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

Thu nhập từ việc cho thuê	41.301.505.284	46.812.873.147
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	13.417.956.867	16.260.050.802
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

17. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	73,80	73,80	36.900.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	5.000.000.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	9,43	6.600.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa ^(a)	5,00	5,00	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ^(b)	46,00	46,00	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	100,00	21,52	2.152.000.000

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỮ CỦA NGƯỜI CHỨC TRÁCH KIỂM T

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vì Tín	100,00	50,00	500.000.000
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	100,00	1,98	11.871.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	100,00	100,00	277.719.778.630
Cộng			1.232.227.722.752

- (a) Công ty cổ phần Gemadept góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần Sư Tử Chúa với tỷ lệ 5% và Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M, Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần Gemadept, góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần Sư Tử Chúa với tỷ lệ 50%.
- (b) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 25. Mặt khác, Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
MBN-GMD VIETNAM	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hào	29,00	29,00	32.206.940.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	10,94	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.882.010.000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	49,00	49,00	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	23,00	23,00	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ^(*)	41,67	41,67	351.750.000.000
Công ty Golden Globe Co., Ltd.	40,00	16,6	39.298.595.636
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	35,00	9,92	29.750.000.000
Cộng			730.468.067.779

- (*) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25 % cổ phần trong công ty này cho một đối tác khác trong năm 2012. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh V.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	171.884.041.600	203.374.669.600
- Công ty cổ phần thép Thủ Đức	-	31.490.628.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	165.581.032.000
- Các công ty khác	6.303.009.600	6.303.009.600
Đầu tư tài chính dài hạn khác	66.011.901.494	66.011.901.494
- Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao	12.635.901.494	12.635.901.494
- Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	32.500.000.000
- Các công ty khác	20.876.000.000	20.876.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm	-	140.900.000.000
Cộng	237.895.943.094	410.286.571.094

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	46.770.266.880	34.175.795.640
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	69.331.733.086	57.608.649.841
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	31.201.969.643	22.035.158.242
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư tài chính dài hạn khác	3.967.654.569	3.753.600.170
Cộng	151.271.624.178	117.573.203.893

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	117.573.203.893
Trích lập dự phòng bổ sung	33.698.420.285
Số cuối kỳ	151.271.624.178

21. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	833.120.000	833.120.000
Ký quỹ thuê tàu	41.671.000.000	41.656.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh đầu tư	416.560.000	-
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	274.527.120	289.527.120
Cộng	43.195.207.120	42.778.647.120

22. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	137.649.281.847	466.251.818.610
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	93.064.434.945
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	113.009.760.777	188.478.630.148
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	24.639.521.070	44.713.351.517

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

448
TY
HỮU
AN V.
AN
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phnom Penh	-	139.995.402.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	144.856.687.278	5.750.000.000
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ^(c)	139.106.687.278	-
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội ^(d)	5.750.000.000	5.750.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.31)	25.714.285.714	40.434.285.714
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	6.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	8.720.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	19.714.285.714	19.714.285.714
Cộng	308.220.254.839	512.436.104.324

- (a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và các Tàu Phước Long 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26.
- (c) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất quy định trên hợp đồng.
- (d) Khoản vay Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội để bổ sung vốn kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	466.251.818.610	325.938.540.778	(654.187.474.915)	(353.602.626)	137.649.281.847
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	5.750.000.000	140.130.000.226	-	(1.023.312.948)	144.856.687.278
Vay dài hạn đến hạn trả	40.434.285.714	-	(14.720.000.000)	-	25.714.285.714
Cộng	512.436.104.324	466.068.541.004	(668.907.474.915)	(1.376.915.574)	308.220.254.839

23. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	2.451.941.801	5.370.900.242
- Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	-	2.873.246.752
- Công ty TNHH cảng Phước Long	1.044.852.063	819.512.573
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	475.958.504	216.969.079

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	459.493.604	338.119.840
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	419.937.630	60.455.908
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	51.700.000	1.034.466.807
- Các công ty con, liên kết, hợp tác khác	-	28.129.283
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	122.164.278.772	138.934.021.086
Cộng	124.616.220.573	144.304.921.328

24. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước để thuê tài sản	22.270.419.416	19.000.419.416
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	6.458.459.291	2.171.913.947
Cộng	28.728.878.707	21.172.333.363

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam:**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	708.093.496	22.147.300.298	(15.425.304.923)	7.430.088.871
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	123.477.346	(123.477.346)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	76.429.823	(76.429.823)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(9.960.652.399)	-	-	(9.960.652.399)
Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	3.281.420.728	10.880.313.034	(980.000.000)	13.181.733.762
Thuế thu nhập cá nhân	316.402.032	2.892.555.913	(2.860.703.351)	348.254.594
Tiền thuê đất	-	399.028.000	(273.592.600)	125.435.400
Thuế môn bài (*)	-	10.000.000	(12.000.000)	(2.000.000)
Các loại thuế khác	750.848.053	9.532.836.285	(8.991.688.323)	1.291.996.015
- Thuế cược	-	335.923.004	(162.211.004)	173.712.000
- Thuế nhà thầu	750.848.053	9.195.813.281	(8.829.477.319)	1.117.184.015
- Thuế khác	-	1.100.000	-	1.100.000
Cộng	(4.903.888.090)	46.061.940.699	(28.743.196.366)	12.414.856.243

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%

Trong kỳ, thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Công ty bị lỗ nên chưa phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Riêng thuế thu nhập của hoạt động chuyển nhượng bất động sản dự tính phải nộp là 10.880.313.034 VND và không được bù trừ vào lỗ của hoạt động kinh doanh.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ chưa bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho hoạt động đầu tư tại Singapore, Malaysia và Campuchia.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-			-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	57.730.623	398.790.394	(456.987.773)	(466.755)
Cộng	57.730.623	398.790.394	(456.987.773)	(466.755)

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả công nhân viên.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	5.568.634.601	8.606.846.521
Chi phí bốc xếp, lưu kho	5.110.145.698	4.946.206.266
Chi phí khác	3.658.160.901	2.007.970.355
Cộng	14.336.941.200	15.561.023.142

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	666.363.241	750.863.241
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.188.739.982	1.096.110.484
Cổ tức phải trả	659.357.600	60.065.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.637.963.626	2.653.410.161
Doanh thu chưa thực hiện	6.936.608.863	2.766.834.580
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	20.815.241.170	31.121.216.700
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	255.218.607.112	289.207.472.218
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link – tiền mượn	120.853.141.332	120.853.141.332
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền mượn và các khoản thu hộ	19.273.533.586	34.701.883.766
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept - tiền mượn	33.227.370.790	33.227.370.790
- Gemadept (Singapore) Co., Ltd. - tiền mượn	42.953.376.120	69.730.697.870
- Công ty TNHH cảng Phước Long - tiền mượn	-	15.157.572.116
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền mượn	10.293.585.975	10.293.585.975
- Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	2.800.000.000	-
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	8.000.000.000	-
- Grand Pacific Shipping	15.707.401.129	2.473.470.796
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	2.110.198.180	2.769.749.573
Các khoản phải trả khác	12.607.545.903	37.081.045.996
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	27.200.000.000
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	3.342.867.326	616.367.419
Cộng	301.446.669.406	426.458.441.889

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	8.628.275.098
Chi quỹ trong kỳ	(7.853.525.203)
Số cuối kỳ	774.749.895

30. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**31. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	247.285.714.286	251.562.759.286
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ^(a)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	4.277.045.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	187.285.714.286	187.285.714.286
Trái phiếu chuyển đổi	-	22.000
Cộng	247.285.714.286	251.562.781.286

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Genadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	25.714.285.714
Trên 01 năm đến 05 năm	247.285.714.286
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	273.000.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn như sau:

Số đầu năm	251.562.781.286
Số tiền vay đã trả	(4.277.045.000)
Giảm khác	(22.000)
Số cuối kỳ	247.285.714.286

32. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 02 đính kèm trang 48.

Cổ tức

Trong kỳ, Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2010 và bổ sung trong năm 2011 là 65.074.274.000 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	109.447.309	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	619.814.785.538	629.921.130.162
Doanh thu cho thuê văn phòng	41.301.505.284	46.812.873.147
Cộng	661.116.290.822	676.734.003.309

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	646.906.149.475	632.336.461.317
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	13.417.956.867	16.260.050.802
Cộng	660.324.106.342	648.596.512.119

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	381.346.109	1.827.820.469
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.246.633.030	11.985.543.730
Lãi tiền gửi ký quỹ	59.876.238	2.728.770.666
Lãi cho vay vốn	986.381.984	2.689.959.900
Lãi đầu tư chứng khoán	8.242.105.590	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	103.469.056.841	86.154.002.763
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.157.892.950	32.446.399.679
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.009.322	8.303.643.751
Doanh thu hoạt động tài chính khác	970.516.896	11.086.471
Cộng	129.520.818.959	146.147.227.429

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	39.860.652.668	32.955.357.640
Chi phí lãi thuê tài chính	-	74.156.964
Lỗ đầu tư chứng khoán	58.615.506.335	7.825.716.616
Chi phí mua chứng khoán kỳ hạn	-	1.110.424.445
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.302.719.408	21.180.656.249
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(13.466.799.340)	101.352.046.695
Chi phí tài chính khác		276.031.868
Cộng	93.312.079.071	164.774.390.477

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.275.731.896	1.220.486.400
Chi phí khác	887.543.048	1.024.109.598
Cộng	2.163.274.944	2.244.595.998

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	18.149.103.442	12.051.593.789
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	149.128.480	182.962.278
Chi phí đồ dùng văn phòng	298.872.053	195.692.007
Chi phí khấu hao tài sản	3.443.295.868	4.951.389.694
Thuế, phí và lệ phí	7.750.000	940.652.834
Chi phí dự phòng	12.277.515.915	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.200.553.053	10.109.026.435
Chi phí khác	3.539.061.018	1.229.065.649
Cộng	48.065.279.829	29.660.382.686

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	125.252.082.173	27.624.110.908
Các khoản thu nhập khác	774.285.786	362.210.949
Cộng	126.026.367.959	27.986.321.857

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	90.936.203.418	10.567.412.217
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	12.876.352.408	-
Các khoản chi phí khác	2.671.471.077	271.433.968
Cộng	106.484.026.903	10.838.846.185

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	243.338.625.019	228.489.502.957
Chi phí nhân công	44.517.614.042	42.202.563.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.255.258.281	49.465.109.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	353.493.626.046	346.599.624.653
Chi phí khác	20.947.537.727	13.744.690.340
Cộng	710.552.661.115	680.501.490.804

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	35.629.807.680	35.545.000.000
Lãi tiền gửi nhập gốc	1.893.521.185	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty cổ phần Gemadept đã hoàn thành việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 40 triệu USD cho Công ty cổ phần Quỹ đầu tư Việt Nam với lãi suất cố định 06% năm, thời hạn 05 năm. Trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông sau 01 năm kể từ ngày phát hành là ngày 15 tháng 8 năm 2012.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.400.398.000	1.215.335.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	68.475.000	54.960.000
Tiền thưởng	234.800.000	-
Thu nhập khác	24.000.000	-
Cộng	1.727.673.000	1.270.295.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước tại Công ty
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty Sinokor Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Cho mượn tiền	-	3.500.000.000
Doanh thu dịch vụ	420.224.363	863.447.298
Chi phí dịch vụ	47.000.000	1.620.374.415
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Lãi góp vốn liên doanh	2.494.000.000	13.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Chi phí dịch vụ đại lý	1.064.438.353	1.879.400.892

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản chi hộ phải thu	2.052.326.761	9.870.192.785
Chi phí dịch vụ	49.147.613.053	54.770.691.747
Các khoản phải trả do đã được chi hộ mua vật tư, phụ tùng	10.681.078.069	7.724.265.710
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội</i>		
Vay ngắn hạn	-	7.000.000.000
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Cho mượn tiền	70.330.000.000	116.312.180.594
Cho thuê tài sản, thanh lý tài sản cố định	24.319.731.636	24.300.000.000
Doanh thu dịch vụ	-	14.569.659
Chi phí dịch vụ	45.352.284.065	48.784.652.273
Mượn tiền	-	11.500.000.000
Thu hộ phải trả	-	30.665.120
Chi hộ	37.457.015	90.103.915
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Lợi nhuận được chia	20.000.000.000	-
Chi hộ	2.912.297.181	-
Cho mượn tiền	32.600.000.000	-
Doanh thu vận tải	4.961.951.436	4.763.093.216
Chi phí dịch vụ	1.634.823.685	274.481.432
Các khoản thu hộ phải trả	2.429.230.737	262.093.651
Các khoản phải trả khác	-	23.300.000.000
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Cho vay	-	500.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Chi hộ	13.541.573.805	8.287.421.432
Doanh thu dịch vụ	2.539.515.523	-
Cho mượn tiền	15.000.000.000	-
Chi phí vận tải, bốc xếp, hoa hồng đại lý	36.526.354.473	30.450.081.160
Mượn tiền	-	18.700.000.000
Thu hộ phải trả	13.016.394.329	2.244.317.217
<i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ</i>		
Doanh thu cho thuê	-	4.800.000.000
Cho mượn tiền	6.000.000.000	6.800.000.000
Mượn tiền	-	53.000.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Lợi nhuận được chia	-	51.577.539.263
Doanh thu dịch vụ	2.400.000.000	-
Chi phí dịch vụ	-	429.978.981
Phải trả khác	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

7446
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HẢI PHÒNG
VĂN
HỒ CỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Góp vốn	-	3.000.000.000
Thu hộ phải trả	-	7.464.586.101
Chi hộ phải thu	82.850.500	777.100.881
Công ty TNHH ISS - Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	23.672.964	-
Công ty PO Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	724.983.759	-
Chi phí dịch vụ	6.340.460	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Góp vốn đầu tư	29.750.000.000	-
Cho mượn tiền	8.000.000.000	-
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	1.028.673.586	0
Phí giao nhận, bốc xếp phải trả	-	361.399.789
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo		
Chi phí	412.741.675	-
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam		
Doanh thu thực hiện	-	695.118.994
Chi phí dịch vụ	-	149.573.258
Chi hộ	-	5.784.654.963
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Góp vốn đầu tư	-	576.410.476
Chi phí dịch vụ	280.952.320	-
Công ty Sinokor Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	3.799.789.222	2.564.486.886
Phí cung cấp dịch vụ	72.408.348	355.870.902
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Phải thu khách hàng	415.046.800	-
Cho mượn tiền	55.900.000.000	55.900.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Cho mượn tiền	-	18.946.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Phải thu khách hàng	11.640.028.712	14.529.514.789
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Phải thu khách hàng	161.841.220.523	188.367.880.989
Ký quỹ dài hạn	41.656.000.000	41.656.000.000
Lợi nhuận được chia	36.449.000.000	36.449.000.000
Các khoản chi hộ	28.810.633.214	20.255.821.307
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Ứng trước tiền dịch vụ	-	62.298.411.025
Các khoản cho mượn, chi hộ	152.321.357.128	112.195.967.663

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Phải thu khách hàng	4.376.726.366	3.552.956.573
Các khoản chi hộ	8.166.623	74.955.000
Lợi nhuận được chia	40.000.000.000	20.000.000.000
Cho mượn tiền	32.600.000.000	16.000.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải thu khách hàng	15.548.722.490	13.289.984.972
Các khoản chi hộ	1.166.740.845	1.156.734.311
<i>Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ</i>		
Ứng trước tiền dịch vụ	-	20.000.000
Phải thu khác	26.264.832.561	8.986.272.000
Lợi nhuận được chia	-	11.278.561.049
<i>Công ty cổ phần Sư Tử Chúa</i>		
Phải thu khách hàng	1.277.515.915	2.597.515.915
<i>Công ty cổ phần Cảng Nam Hải</i>		
Phải thu khách hàng	2.937.122.398	2.209.072.250
Lợi nhuận được chia	47.234.099.995	23.077.539.263
Phải thu khác		-
<i>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương</i>		
Phải thu khách hàng	-	453.181.055
Phải thu khác	247.425.000	164.574.500
<i>Công ty TNHH dịch vụ tin học VT Tín</i>		
Phải thu khác	995.214.869	135.771.373
<i>Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	-	2.500.000
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	182.653.081.061	244.055.334.635
<i>Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng</i>		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</i>		
Cho vay ngắn hạn	-	4.207.200.000
Phải thu khách hàng	-	4.861.653
Phải thu khác	534.143.500	534.143.500
<i>Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine</i>		
Phải thu khách hàng	877.090.368	3.378.948.920
<i>Công ty OOCL Việt Nam</i>		
Phải thu khách hàng	1.741.144.966	1.185.976.156
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Phải thu khách hàng	13.156.359	-
<i>Công ty Sinokor Việt Nam</i>		
Phải thu khách hàng	870.433.335	606.054.581
Cộng nợ phải thu	848.678.903.028	907.870.733.479



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty Sinokor Việt Nam</i>		
Phải trả người bán	3.227.651	3.031.584
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	-	1.034.466.807
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Các khoản phải trả khác	929.869.279	929.869.279
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản thu hộ tàu, mượn tiền	58.660.777.249	69.730.697.870
Phải trả khác	-	29.391.132.918
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải trả phí dịch vụ	1.044.852.063	819.512.573
Phải trả khác	-	15.157.572.116
Nhận ứng trước	22.270.419.416	19.000.419.416
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Phải trả người bán	306.994.335	60.455.908
Phải trả khác	480.328.901	64.050.834
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội</i>		
Vay ngắn hạn	5.750.000.000	5.750.000.000
<i>Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept</i>		
Phải trả khác	10.293.585.975	10.293.585.975
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải trả phí dịch vụ	-	216.969.079
Phải trả người bán	406.966.572	-
Các khoản mượn tiền, thu hộ phải trả	19.273.533.586	34.701.883.766
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Mượn tiền	33.227.370.790	33.227.370.790
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Phải trả phí dịch vụ	-	338.119.840
<i>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương</i>		
Mượn tiền	2.800.000.000	1.000.000.000
Phải trả dịch vụ	420.000	420.000
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Mượn tiền	120.853.141.332	120.853.141.332
Vay ngắn hạn	139.106.687.278	-
<i>Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine</i>		
Phải trả người bán	204.331.892	24.677.699
<i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn</i>		
Phải trả người bán	99.963.072	-
Cộng nợ phải trả	415.712.469.391	342.597.377.786

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê tòa nhà Lê Thánh Tôn. Công ty cũng đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Trồng cao su: Bao gồm các hoạt động trồng cao su tại Campuchia

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở phụ lục 3 và phụ lục 4 đính kèm từ trang 49 – 51.

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	463.136.377.562	465.563.488.481
Nước ngoài	197.979.913.260	211.170.514.828
Cộng	661.116.290.822	676.734.003.309

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Tài sản bộ phận lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Trong nước	2.329.076.868	90.318.394.562	2.398.566.044.378	2.648.436.864.602
Nước ngoài	-	-	182.072.074.837	53.026.630.923
Cộng	2.329.076.868	90.318.394.562	2.580.638.119.216	2.701.463.495.525

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	16.343.740.380	70.857.539.000
Trên 01 năm đến 05 năm	61.604.107.810	100.725.192.000
Trên 05 năm	-	-
Cộng	77.947.848.190	171.582.731.000

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.288.504.824	265.372.942.880	216.288.504.824	265.372.942.880
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.400.761.129	170.139.045.500	15.400.761.129	170.139.045.500
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	743.668.307.683	810.889.500.947	743.668.307.683	811.349.975.347
Phải thu khách hàng	301.740.012.575	383.646.123.796	301.740.012.575	383.646.123.796
Các khoản cho vay	-	32.292.283.389	-	32.292.283.389
Các khoản phải thu khác	840.311.402.818	887.306.049.023	840.311.402.818	887.306.049.023
Cộng	2.117.408.989.029	2.549.645.945.534	2.117.408.989.029	2.550.106.419.934
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	124.616.220.573	144.304.921.328	124.616.220.573	144.304.921.328
Vay và nợ	555.505.969.125	763.998.885.610	555.505.969.125	763.998.885.610
Phải trả người lao động	4.047.119.880	9.939.966.152	4.047.119.880	9.939.966.152
Chi phí phải trả	14.336.941.200	15.561.023.142	14.336.941.200	15.561.023.142
Các khoản phải trả khác	322.593.179.085	447.451.922.113	322.593.179.085	447.451.922.113
Cộng	1.021.099.429.864	1.381.256.718.345	1.021.099.429.864	1.381.256.718.345

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác được trình bày ở các thuyết minh V.4, V.13, V.15.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản thế chấp nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên kết, hợp tác vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	124.616.220.573	-	-	124.616.220.573
Vay và nợ	308.220.254.839	247.285.714.286	-	555.505.969.125
Phải trả người lao động	4.047.119.880	-	-	4.047.119.880
Chi phí phải trả	14.336.941.200	-	-	14.336.941.200
Các khoản phải trả khác	322.593.179.085	-	-	322.593.179.085
Cộng	773.813.715.578	247.285.714.286	-	1.021.099.429.864

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	144.304.921.328	-	-	144.304.921.328
Vay và nợ	512.436.126.325	209.991.330.714	41.571.428.571	763.998.885.610
Phải trả người lao động	9.939.966.152	-	-	9.939.966.152
Chi phí phải trả	15.561.023.142	-	-	15.561.023.142
Các khoản phải trả khác	447.451.922.113	-	-	447.451.922.113
Cộng	1.129.693.959.060	209.991.330.714	41.571.428.571	1.381.256.718.345

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá như sau:

	Thay đổi tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Kỳ này	+ 2%	1.340.624.974
	- 2%	(1.340.624.974)
Kỳ trước	+ 2%	(289.771.476)
	- 2%	289.771.476

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu thương mại của Công ty là 86.682.931.200 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 108.335.858.300 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 5% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 3.250.609.920 VND (năm trước là 4.062.594.686 VND VND).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



1046
CÔ
RÁCH N
KIẾN
T1
14/11

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

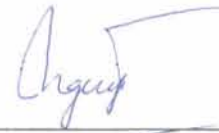
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiên trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	66.191.510.150	130.198.672.581	981.505.938.880	11.567.858.904	1.189.463.980.515
Mua sắm mới	-	178.936.000	884.884.045	1.065.950.823	2.129.770.868
Thanh lý, nhượng bán	(8.300.975.537)	(673.297.423)	(150.731.078.404)	(38.192.986)	(159.743.544.350)
Số cuối kỳ	57.890.534.613	129.704.311.158	831.659.744.521	12.595.616.741	1.031.850.207.033
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.405.155.674	18.302.791.106	118.348.430.555	8.778.219.365	146.834.596.700
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.381.581.789	106.218.721.242	392.612.940.469	10.108.783.672	539.322.027.172
Khấu hao trong kỳ	741.162.540	6.076.330.173	34.432.783.359	429.033.210	41.679.309.282
Thanh lý, nhượng bán	(6.689.409.493)	(669.501.340)	(61.410.237.113)	(38.192.986)	(68.807.340.932)
Số cuối kỳ	24.433.334.836	111.625.550.075	365.635.486.715	10.499.623.896	512.193.995.522
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.809.928.361	23.979.951.339	588.892.998.411	1.459.075.232	650.141.953.343
Số cuối kỳ	33.457.199.777	18.078.761.083	466.024.257.806	2.095.992.845	519.656.211.511
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	2.169.160.586.400	69.388.382.902	23.765.156.863	20.651.091.956	227.373.596.551	3.510.338.814.672
Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	94.473.090.000	302.313.888.000	-	-	-	-	396.786.978.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.260.711.645	24.260.711.645
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	5.664.248.049	5.664.248.049	(20.391.292.976)	(9.062.796.878)
Số dư cuối năm trước	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	171.243.015.221	3.862.323.707.440
Số dư đầu năm nay	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	171.243.015.221	3.862.323.707.440
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(4.964.392.349)	(4.964.392.349)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(5.668.385.000)	(5.668.385.000)
Số dư cuối kỳ	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	160.610.237.872	3.851.690.930.091


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Kỳ trước			
	2012	2011	2010	2009
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	619.814.785.538	41.301.505.284	-	661.116.290.822
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	619.814.785.538	41.301.505.284	-	661.116.290.822
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(77.319.918.710)	27.883.548.417	-	(49.436.370.293)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(49.436.370.293)
Doanh thu hoạt động tài chính				129.520.818.959
Chi phí tài chính				(93.312.079.071)
Thu nhập khác				126.026.367.959
Chi phí khác				(106.484.026.903)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(11.279.103.001)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(4.964.392.350)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.735.385.910	593.690.958	-	2.329.076.868
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	45.724.460.138	6.340.023.418	-	52.064.483.556
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	629.921.130.162	46.812.873.147	-	-	676.734.003.309
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	629.921.130.162	46.812.873.147	-	-	676.734.003.309
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(7.657.655.604)	30.072.437.613	-	-	22.414.782.009
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(26.182.269.503)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(3.767.487.494)
Doanh thu hoạt động tài chính					146.147.227.429
Chi phí tài chính					(164.774.390.477)
Thu nhập khác					27.986.321.857
Chi phí khác					(10.838.846.185)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.958.232.868)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(9.205.407.738)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	90.240.734.562	77.660.000	-	-	90.318.394.562
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	45.788.780.782	5.946.058.092	-	-	51.734.838.874
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-


Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012


Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

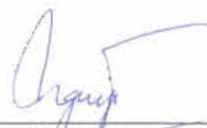
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.640.433.214.231	268.439.282.326	217.937.337.645	-	2.126.809.834.202
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					2.797.861.662.998
Tổng tài sản					4.924.671.497.200
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	623.157.343.769	1.143.572.948	-	-	624.300.916.717
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					448.679.650.391
Tổng nợ phải trả					1.072.980.567.108
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.556.307.020.710	279.520.216.400	276.132.829.027	-	2.111.960.066.137
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.166.535.463.041
Tổng tài sản					5.278.495.529.178
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	434.764.569.565	550.351.864	-	-	435.314.921.429
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					980.856.900.309
Tổng nợ phải trả					1.416.171.821.738


Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc